

Số: /TTr-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026–2030

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ).

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026–2030, với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a. Chủ trương, đường lối của Đảng

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa luôn được Đảng ta quan tâm, chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi để giữ gìn được những bản sắc văn hóa của dân tộc, lan tỏa các giá trị tới bạn bè quốc tế, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội,... tầm quan trọng, vai trò, vị trí của văn hóa được thể hiện qua: Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 tại Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33 NQ/TW; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Quyết định số 1669/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 156-KL/TW ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33 NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị khóa

XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW; Hội nghị văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025; Quyết định số 210/QĐ-TTg ngày 08/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1909/QĐ TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030;

Ngày 07/01/2026, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam, trong đó xác định văn hóa và con người là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và động lực phát triển, đặt yêu cầu phát triển văn hóa toàn diện, bền vững, gắn với phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh và hội nhập quốc tế; coi trọng bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa như một nguồn lực quan trọng để củng cố bản sắc, tăng sức mạnh nội sinh và khơi dậy khát vọng phát triển đất nước. Nghị quyết nêu các mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn 2045 về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; đồng thời nhấn mạnh nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như: nâng cao nhận thức và trách nhiệm của hệ thống chính trị và Nhân dân; hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; tôn vinh, phát huy vai trò chủ thể cộng đồng, nghệ nhân, người thực hành di sản; tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng khoa học – công nghệ trong bảo tồn, truyền dạy, lan tỏa giá trị văn hóa; gắn bảo tồn di sản với phát triển du lịch văn hóa, các ngành công nghiệp văn hóa và sinh kế bền vững cho cộng đồng

Kế hoạch số 12-KH/ĐU ngày 02/10/2025 về triển khai thực hiện Kế hoạch số 17-KH/TU, ngày 28/2/2025 của Tỉnh ủy triển khai Kết luận số 156-KL/TW ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW; Nghị quyết 10/QĐ-UBND ngày 05/01/2026 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Chương trình hoạt động toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh.

b. Những quy định của pháp luật

Tại điểm b, khoản 7, Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh “*Quyết định chính sách, biện pháp bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa tại địa phương; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục thể thao tại địa phương theo quy định của pháp luật*”;

Ngày 23/11/2024, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật Di sản văn hóa), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025, với nhiều điểm mới quan trọng về cơ chế quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể thực hành di sản văn hóa phi vật thể; đồng thời nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc tổ chức thực hiện công tác bảo tồn di sản tại cộng đồng.

Khoản 1, Điều 7, Luật Di sản văn hóa quy định “*Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong bảo đảm và phát triển hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; huy động nguồn lực xã hội cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của vùng, miền, của đồng bào dân tộc*”; điểm a, khoản 3, Điều 7 quy định ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho các hoạt động Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã được UNESCO ghi danh hoặc công nhận;

Khoản 4, Điều 7, Luật Di sản văn hóa quy định chính sách của Nhà nước về di sản văn hóa quy định: “*Tôn vinh và có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nghệ nhân có công lao bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là nghệ nhân người dân tộc thiểu số, nghệ nhân sinh sống ở miền núi, biên giới, hải đảo, nghệ nhân là người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo*”.

Ngày 04/8/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 215/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa, trong đó có nội dung về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới; di sản văn hóa dưới nước; di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia. Nghị định đồng thời quy định rõ chính sách, chế độ đãi ngộ và hỗ trợ đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, thống nhất trong công tác quản lý và phát huy di sản văn hóa.

Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Di sản văn hóa. Tại chương X, chi ngân sách nhà nước cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

Công ước UNESCO 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể và Hướng dẫn thực hiện Công ước.

Các nghị định của Chính phủ quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; các thông tư hướng dẫn định mức kinh tế - kỹ thuật trong nghiên cứu, kiểm kê, tư liệu hóa, truyền dạy, thực hành, trình diễn di sản.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025; các nghị định hướng dẫn thi hành.

2. Cơ sở thực tiễn

Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên là di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu, gắn bó mật thiết với đời sống văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Di sản có ý nghĩa quan trọng trong việc gìn giữ bản sắc văn hóa, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, bồi đắp nền tảng tinh thần của xã hội; đồng thời góp phần phát triển văn hóa - du lịch và giáo dục truyền thống cho các thế hệ.

Đắk Lắk là địa bàn có vị trí chiến lược về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh của khu vực; đồng thời là nơi hội tụ sự đa dạng văn hóa của hơn 49 dân tộc anh em, trong đó các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên giữ vai trò chủ thể của Không gian văn hóa công chiêng. Di sản đã được UNESCO ghi danh là “Kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại” năm 2005 và đến năm 2008 được ghi danh vào Danh sách “Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại”. Việc ghi danh tạo điều kiện thuận lợi để di sản được nhận diện rộng rãi, lan tỏa giá trị, qua đó góp phần quảng bá hình ảnh văn hóa, con người Tây Nguyên nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng ra thế giới. Đồng thời đặt ra trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong việc bảo tồn, gìn giữ, trao truyền và phát huy giá trị di sản theo đúng cam kết với UNESCO.

Trong giai đoạn 2005-2025, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành, triển khai 05 nghị quyết của HĐND về công tác bảo tồn, phát huy giá trị không gian văn hóa công chiêng¹. Qua triển khai thực hiện, công tác bảo tồn di sản đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: mở trên 200 lớp truyền dạy công chiêng; hỗ trợ trực tiếp cho cộng đồng các buôn làng; xây dựng hàng trăm câu lạc bộ, đội công chiêng; gắn bảo tồn di sản với nghi lễ, lễ hội truyền thống; phục dựng và tổ chức trình diễn hơn 290 nghi lễ, lễ hội; cấp phát 214 bộ chiêng các loại và 1.140 bộ trang phục thổ cẩm truyền thống; tổ chức nhiều hoạt động quảng bá, biểu diễn trong các sự kiện văn hóa, du lịch, trưng bày, triển lãm, liên hoan, hội thi, hội diễn trong và ngoài tỉnh. Các kết quả này đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, công tác bảo tồn và phát huy Không gian văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Số lượng công chiêng trong cộng đồng giảm đáng kể, từ 2.307 bộ năm 2011 xuống còn 1.515 bộ năm 2024 (giảm 34,3%); số lượng nghệ nhân giảm từ 3.855 xuống còn 3.749 người (giảm 2,7%). Đội ngũ nghệ nhân am hiểu sâu về thực hành công chiêng và nghi lễ truyền thống ngày càng ít, chủ yếu do tuổi cao, sức khỏe giảm sút hoặc qua đời khi chưa kịp truyền dạy; lực lượng kế cận chưa đồng đều. Lớp trẻ ít quan tâm tham gia

¹ Nghị quyết số 10/2007/NQ-HĐND ngày 13/7/2007 về bảo tồn, phát huy di sản văn hóa công chiêng Đắk Lắk, giai đoạn 2007-2010; Nghị quyết số 63/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 về bảo tồn, phát huy di sản không gian văn hóa công chiêng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2012-2015; Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND ngày 30/8/2016 về bảo tồn, phát huy văn hóa công chiêng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND ngày 30/8/2016 về bảo tồn, phát huy văn hóa công chiêng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bảo tồn và phát huy văn hóa công chiêng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2022 - 2025

sinh hoạt công chiêng, chịu tác động mạnh của lối sống hiện đại; các chính sách khuyến khích, đãi ngộ chưa đủ hấp dẫn để thu hút sự tham gia bền vững của cộng đồng.

Bên cạnh đó, không gian thực hành di sản tại một số buôn, làng bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa, thay đổi môi trường sống và chuyển đổi cơ cấu sản xuất từ lúa rẫy sang cây công nghiệp; hệ thống thiết chế văn hóa, địa điểm sinh hoạt cộng đồng và điều kiện bảo quản bộ chiêng còn thiếu và chưa đồng bộ; kinh phí dành cho bảo tồn còn phân bổ dàn trải, thiếu trọng tâm, chưa đáp ứng yêu cầu duy trì thực hành thường xuyên. Công tác tư liệu hóa, số hóa di sản còn hạn chế, phân tán; chưa hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ; thiếu quy trình quản trị dữ liệu bảo đảm sự đồng thuận của cộng đồng và bảo vệ các yếu tố nhạy cảm trong nghi lễ truyền thống.

Nguồn nhân lực làm công tác quản lý, bảo tồn di sản tại địa phương thường xuyên biến động; một số cán bộ chuyên môn văn hóa chưa phù hợp hoặc kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu và tổ chức thực hiện. Cơ sở hạ tầng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thiếu đồng bộ; khoảng cách phát triển giữa các vùng, khu vực còn lớn; đời sống kinh tế của một bộ phận Nhân dân còn khó khăn; một số vấn đề về an ninh, trật tự tại vùng sâu, vùng xa cũng tác động đến hiệu quả bảo tồn văn hóa truyền thống.

Ngoài ra, hệ thống chính sách, pháp luật về di sản văn hóa thời gian qua còn một số bất cập, chưa kịp thời điều chỉnh để phù hợp với đặc thù từng địa phương và những biến đổi trong thực tiễn. Các quy định chưa làm rõ đầy đủ vai trò, quyền lợi và trách nhiệm của cộng đồng – chủ thể di sản; cơ chế khuyến khích sự tham gia của cộng đồng còn thiếu, khiến vai trò quản lý và tự bảo vệ di sản của cộng đồng chưa được phát huy đầy đủ. Công tác nghiên cứu khoa học phục vụ quản lý di sản, hợp tác quốc tế và chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân, chủ thể di sản còn hạn chế; nguồn ngân sách bố trí cho bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Không gian văn hóa công chiêng chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

Trong bối cảnh hội nhập và phát triển, việc gắn bảo tồn di sản với phát triển kinh tế – xã hội, đặc biệt là phát triển du lịch văn hóa cộng đồng, được xác định là định hướng quan trọng nhằm vừa gìn giữ bản sắc văn hóa đặc thù, vừa tạo sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc tại chỗ. Để thực hiện hiệu quả định hướng này, cần có cơ chế, chính sách đặc thù, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa bảo tồn với giáo dục, truyền dạy, hỗ trợ nghệ nhân, phát triển sản phẩm du lịch văn hóa và chuyển đổi số.

Luật Di sản văn hóa năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo ra khung pháp lý mới, cho phép địa phương cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ đối với nghệ nhân, chủ thể di sản, câu lạc bộ/nhóm thực hành, không gian văn hóa liên quan và hoạt động chuyển đổi số trong bảo vệ, phát huy di sản.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa công chiêng Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030 là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý để huy động và phân bổ nguồn lực, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ; khẳng định vai trò trung tâm của cộng đồng trong bảo tồn, trao truyền và phát huy giá trị di sản; bảo đảm di sản được thực hành thường xuyên trong đời sống cộng đồng, có thể hệ kế cận; gắn bảo tồn với phát triển du lịch văn hóa, giáo dục truyền thống và chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa và sinh kế bền vững.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bảo tồn và phát huy bền vững di sản văn hóa công chiêng; bảo đảm di sản được thực hành thường xuyên trong đời sống cộng đồng và có thể hệ kế cận.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc bố trí và sử dụng nguồn lực; ban hành cơ chế hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm đối với cộng đồng chủ thể, nghệ nhân, người thực hành và các tổ chức tham gia bảo tồn, truyền dạy, trình diễn, tư liệu hóa, số hóa và phát huy giá trị di sản.

- Bảo đảm các chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể của di sản văn hóa phi vật thể được thực hiện đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, thực hiện các cam kết và phù hợp với các văn kiện quốc tế mà Việt Nam là thành viên, gắn với phát triển bền vững.

- Gắn bảo tồn di sản với nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, giáo dục truyền thống, chuyển đổi số và phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững; tăng tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và giám sát của cộng đồng.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, không chồng chéo, không làm phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết.

- Lấy cộng đồng chủ thể làm trung tâm, nghệ nhân là hạt nhân; tôn trọng phong tục, tập quán và yếu tố gốc của di sản; mọi hoạt động tư liệu hóa, số hóa, trình diễn, khai thác du lịch phải có sự đồng thuận của cộng đồng.

- Hỗ trợ có điều kiện, gắn với kết quả và khả năng duy trì; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng; kết hợp hài hòa giữa ngân sách nhà nước và huy động nguồn lực xã hội hóa theo quy định.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ, nguồn lực, cơ chế tổ chức thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các đối tượng sau:

- a) Cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có di sản văn hóa công cộng;
- b) Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành và truyền dạy di sản văn hóa công cộng;
- c) Các đội, nhóm công cộng; câu lạc bộ văn nghệ dân gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể công cộng;
- d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động bảo tồn, truyền dạy, trình diễn, quảng bá và phát huy giá trị di sản văn hóa công cộng.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Công văn số 26/HĐND-VP ngày 09/01/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất với nội dung đăng ký xây dựng nghị quyết theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 0264/TTr-UBND; Công văn số 533/UBND-KGVX ngày 12/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xây dựng nghị quyết quy định chính sách thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030; Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng Nghị quyết quy định chính sách thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo theo ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại văn bản nêu trên.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định chính sách thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 – 2030, gửi UBMTTQ Việt Nam tỉnh thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo, gửi lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời, đăng toàn bộ hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Sau khi nhận được ý kiến góp ý, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định. Ngày .../.../2026, Sở Tư pháp có Báo cáo số .../BC-STP về kết quả thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định chính sách thực

hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 – 2030.

Ngày .../.../2026, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Báo cáo số .../BC-SNV giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết và hoàn chỉnh trình UBND tỉnh (tại Tờ trình số .../TTr-SVHTTDL ngày .../.../2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Ngày .../.../2026, UBND tỉnh có Tờ trình số .../TTr-UBND trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm có 09 điều, gồm:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chính sách

Điều 4. Mục tiêu

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ

Điều 6. Cơ chế thực hiện, điều kiện hỗ trợ và phương thức chi

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Điều 9. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Quy định về đối tượng, nguyên tắc, chính sách thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

- Ngân sách địa phương bố trí trong dự toán chi thường xuyên lĩnh vực văn hóa hằng năm theo phân cấp ngân sách.

- Nguồn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình, dự án hợp pháp khác trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn xã hội hóa từ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân theo quy định pháp luật

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện giai đoạn 2026 – 2030 và cơ cấu phân bổ theo nhóm nội dung được thể hiện tại thuyết minh và dự toán kèm theo hồ sơ trình chính thức.

2. Điều kiện đảm bảo thi hành

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này, định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

VII. RÀ SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH KHẢ THI

Dự thảo Nghị quyết thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Nội dung chính sách được thiết kế theo hướng đơn giản hóa hồ sơ, gắn với cơ chế nghiệm thu kết quả; không đặt ra thủ tục hành chính mới theo nghĩa quy định về thủ tục hành chính (trường hợp phát sinh nội dung có tính chất thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thực hiện đánh giá tác động và công bố theo quy định).

Các mức hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ và phương thức chi được xác định theo khả năng cân đối ngân sách, lồng ghép nguồn lực; có tiêu chí nghiệm thu, giám sát cộng đồng nhằm bảo đảm tính khả thi và hiệu quả.

VIII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Không có.

Trên đây là nội dung trình dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chính sách thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 – 2030.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết để triển khai thực hiện./.

(Gửi kèm dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và các tài liệu có liên quan)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính, KHCN, Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NV ()

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

